

Bắc Quang, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Số: 111/2020/QĐST - HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1990; dân tộc: Kinh.

- Bị đơn: Nguyễn Xuân B, sinh năm 1986; dân tộc: Kinh.

Cùng cư trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Xuân B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Xuân B thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Các đương sự thống nhất, thoả thuận. Chị Lê Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Nguyễn Lê Bảo N1, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 15/02/2019 cho đến khi cháu N1 và L đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Xuân B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo

N2, sinh ngày 08/5/2012 cho đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi. Chị N và anh B không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh B, chị N có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về phân tài sản (công nợ chung): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự thống nhất, thỏa thuận. Chị Lê Thị N tự nguyện chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo B lai số 0001157 ngày 27/7/2020. Trả lại cho chị Lê Thị N 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKS ND tỉnh Hà Giang;
- VKS ND huyện Bắc Quang;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Tuấn Vĩnh